TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1753/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 25 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 2263/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà La Thụy H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: tổ 8A, KP3, P. T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn A, sinh năm 1983

Địa chỉ: tổ 8A, KP3, P. T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Giao cháu Đặng Quốc Bảo, sinh ngày 10/8/2010 và Đặng Khánh Ngọc, sinh ngày 28/3/2015 cho bà La Thụy H trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Ánh cấp dưỡng tiền nuôi con chung 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/ tháng (mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng) kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông Đặng Văn A có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí sơ thẩm hòa giải thành: Bà La Thụy H tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000755 ngày 01 tháng 10 năm 2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- THA DS TP. B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Thu Thương